TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2023
V/v "*Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Trung Hiến**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà **Trần Ngọc Sáng**

2/ Bà **Lê Thị Tuyết Mai**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ* tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Quốc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 về *"Tranh chấp ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thùy T, sinh năm 1988 (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: khu vực 5, phường C, quận D, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2023 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Phan Thị Thùy T trình bày:

Trước đây, bà Phan Thị Thùy T và ông Nguyễn Tấn L đã kết hôn, trong quá trình chung sống giữa bà và ông L xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn vào năm 2015 theo Quyết định thuận tình ly hôn số 139/2015/QĐST-HNGĐ ngày 25/12/2015 của Tòa án nhân dân quận C . Đến năm 2018 bà T và ông L tiếp tục tái

hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 10/4/2018.

Sau khi kết hôn thì giữa bà và ông L tiếp tục có nhiều mâu thuẫn, ông L không lo làm ăn, thường xuyên bỏ bê vợ con, không chăm lo gia đình. Vì vậy, bà T làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ giải quyết cho ông vấn đề sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Tấn L.

+ Về con chung: Trong thời gian chung sống thì bà T và ông L có 01 con chung tên Nguyễn Tấn P (nam); sinh ngày 24/02/2018. Và 01 con với ông L trong lần kết hôn trước là cháu Nguyễn Tấn Đ (nam); sinh ngày 05/10/2009. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tấn P sau khi ly hôn và tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tấn Đ theo Quyết định ly hôn số 139/2015/QĐST-HNGĐ, bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn L: Được Tòa án triệu hợp lệ 02 lần nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Vụ án được hòa giải không thành. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn tiếp tục vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt các lần hòa giải và xét xử, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông L đã thật sự nghiêm trọng, đời sống hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Bà T và ông L tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 10/4/2018 nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, bà T và ông L phát sinh mâu thuẫn, bà T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp ly hôn*". Bị đơn có địa chỉ tại quận C cho nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà Phan Thị Thùy T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn – ông Nguyễn Tấn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt cho nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án (vắng mặt nguyên đơn và bị đơn) theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông L chung sống năm 2018 và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/4/2018 tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố Cần Thơ. Bà T và ông L sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay ông L tiếp tục vắng mặt mặc dù ông L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt cho nên được xem là từ bỏ quyền tranh tụng của mình. Hội đồng xét xử sẽ giải quyết vụ án dựa trên trình bày của bà T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo bà T, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải, ông L không chăm lo gia đình, không quan tâm vợ con, mâu thuẫn về kinh tế cho nên bà xin ly hôn.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, bà T xác nhận bà T và ông L chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mặc dù vợ chồng có cố gắn hàn gắn tình cảm nhưng không cải thiện. Do đó, bà T và ông L đã ly thân với nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay.

Mặt khác, ông L đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn không đến Toà án tham gia tố tụng để Toà án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ giữa bà T và ông L đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp

nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống thì bà T và ông L có 01 con chung tên Nguyễn Tấn P (nam); sinh ngày 24/02/2018. Và 01 con với ông L trong lần kết hôn trước là cháu Nguyễn Tấn Đ (nam); sinh ngày 05/10/2009. Cháu Đ được giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng theo Quyết định số 139/2015/QĐST-HNGĐ. Hiện tại cháu Đ và P đang sống chung với bà T. Sau khi ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con đến trưởng thành. Nhằm tạo điều kiện về mặt vật chất và tinh thần cho cháu Đ và P tránh làm xáo trộn cuộc sống của hai cháu. Vì vậy, việc giao cháu Đ và P cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp quy định pháp luật và cũng đảm bảo cuộc sống cho hai cháu. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng cho nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông L theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn bà Phan Thị Thùy T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thùy T về việc ly hôn với ông Nguyễn Tấn L.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phan Thị Thùy T được ly hôn với ông Nguyễn Tấn L.

2. *Về con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Tấn P (nam); sinh ngày 24/02/2018. Và 01 con với ông L trong lần kết hôn trước là cháu Nguyễn Tấn Đ (nam); sinh ngày 05/10/2009. Cháu Đ và cháu P hiện tại đang sống với bà T. Giao cháu Đại và cháu Phát cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông L theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Phan Thị Thùy T chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp, theo biên lai thu số 0008964 ngày 02/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự, quận C thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm phải chịu. Bà T đã nộp xong án phí.

5. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND QCR;
- Chi cục THADS quận C;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Trung Hiến